

UBND PHƯỜNG UÔNG BÍ
TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2026-2027

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	55	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	55	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	8442.5	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3775	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	54	
2	Diện tích thư viện (m ²)	72+150	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	340	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	54	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	54	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	54	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	54	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	24	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	24	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1		
1.1.1	Môn Toán		

a	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số	400	
b	Bộ thiết bị dạy phép tính	400	
c	Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	400	
d	Mô hình đồng hồ	18	
1.1.2	Môn TV		
a	Tranh: Bộ mẫu chữ viết	18	
b	Tranh: Bộ chữ dạy tập viết	18	
c	Bộ thẻ chữ học vần thực hành	400	
d	Bộ chữ học vần biểu diễn	18	
1.1.3	Môn TN&XH		
a	Bộ sa bàn giáo dục giao thông	50	
b	Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể		
b.1	Bộ tranh: Cơ thể người và các giác quan	50	
b.2	Bộ tranh: Những việc nên và không nên làm để phòng tránh tạt cận thị học đường	50	
b.3	Bộ tranh: Các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân	50	
c	Giữ cho cơ thể khỏe mạnh và an toàn Bộ tranh về phòng tránh bị xâm hại	50	
1.1.4	Môn Âm nhạc		
a	Thanh phách	85	
b	Song loan	85	
c	Trống nhỏ	50	
d	Triangle (Tam giác chuông)	20	
e	Tambourine (Trống lục lạc)	20	
g	Keyboard (đàn phím điện tử)	2	
1.1.5	Môn Giáo dục thể chất		
a	Đội hình đội ngũ 1.1 Tập hợp đội hình hàng dọc, dóng hàng. 1.2. Động tác quay các hướng	6	

b	Vận động cơ bản 1.1. Các tư thế hoạt động vận động cơ bản của đầu, cổ, tay, chân. 1.2. Các hoạt động vận động phối hợp của cơ thể.	6	
c	Bài tập thể dục : Bài tập thể dục lớp 1 (vươn thở, tay, chân, vận mình, lưng bụng, phối hợp, điều hòa).	6	
d	Dụng cụ		
d.1	Đồng hồ bấm giây	16	
d.2	Còi	16	
d.3	Cờ đuôi nheo	22	
d.4	Thước dây	36	
d.5	Nhạc tập bài tập Thể dục	12	
e	Dụng cụ thể thao tự chọn		
e.1	Đệm nhảy	16	
e.2	Dây nhảy tập thể	16	
e.3	Dây nhảy cá nhân	110	
e.4	Bóng ném	56	
e.5	Các bài nhạc dân vũ	12	
1.1.6	Môn Đạo đức		
a	Yêu nước	8	
b	Nhân ái	58	
c	Trung thực	58	
d	Chăm chỉ	58	
e	Trách nhiệm 1.1 Bộ tranh : Sinh hoạt nề nếp 1.2. Bộ tranh: Thực hiện nội quy trường, lớp	58 58	
g	Giáo dục kỹ năng sống 1.1 Bộ tranh tự chăm sóc bản thân	58	

	1.2 Bộ tranh: Phòng tránh tai nạn thương tích	58	
1.2	Khối lớp 2	0	
1.3	Khối lớp 3	0	
1.4	Khối lớp 4		
a	Bộ đồ dùng toán khối 4	4	
b	Bộ dạy hình phân số	3	
1.5	Khối lớp 5		
a	Bộ đồ dùng toán khối 5	7	
b	Bộ chai ca 1l	1	
c	Bộ hình lập phương biểu diễn TT5	4	
d	Bộ hình chữ nhật biểu diễn TT5	4	
2	<i>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định</i>		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	245 bộ	Số học sinh /lớp
2.3	Khối lớp 3	249 bộ	Số học sinh /lớp
2.4	Khối lớp 4	30 bộ	Số học sinh /lớp
2.5	Khối lớp 5	30 bộ	Số học sinh /lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	45	
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	
5	Đàn	02	
6	Máy chiếu	11	
7	Máy tính xách tay	02	
8	Máy tính phòng tin học	32	
9	Máy tính bàn các phòng làm việc	16	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	55 phòng		
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		Chung	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8		04		0,036
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Uông Bí, ngày 02 tháng 10 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Huyền